|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|

|  |
| --- |
|  TỔ LỚN |
|  LỚP LỚN GHÉP A DUÔNG |

 | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|  | *Prao, ngày 10 tháng 9 năm 2024* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC**

**Năm học 2024 – 2025**

Căn cứ Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGD ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo;

Căn cứ vào kế hoạch ngày 10 tháng 9 năm 2024 của tổ lớn về kế hoạch giáo dục Mầm non năm học 2024-2025.

Căn cứ vào kế hoạch ngày 10 tháng 9 năm 2024 của tổ nhỡ về kế hoạch giáo dục Mầm non năm học 2024-2025.

Căn cứ vào kế hoạch ngày 10 tháng 9 năm 2024 của tổ bé về kế hoạch giáo dục Mầm non năm học 2024-2025.

Căn cứ vào tình hình thực tế của lớp lớn, ghép a duông năm học 2024- 2025

Lớp Lớn, ghép a duông đề ra những mục tiêu và nhiệm vụ của năm học 2024 -2025 như sau:

  **1.** **Tình hình của lớp:**

 **1.1. Tình hình nhận sự:**

 - Lớp gồm 2 giáo viên: Lê Thị Bích Hà + Trương Thị Thảo

 + Đại học: 1

 + Cao đẳng: 1

 + Đảng viên: 1

 - Độ tuổi: Độ tuổi từ 30 đến 50: 2 giáo viên

 - Trình độ chuyên môn :

 + Đại học sư phạm: 1 giáo viên,

 + Cao đẳng sư phạm : 1 giáo viên,

 - Trình độ tin học: UDTT cơ bản: 2

 - Trình độ ngoại ngữ:

 + Anh văn C: 2

 - Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động CSND &GD trẻ: 2/2 giáo viên

 **1.2. Tình hình lớp:**

**a. Tổng số trẻ**

- Tổng số học sinh 7 trẻ trong đó:

 + Trẻ 3 tuổi: 2 trẻ.

 + Trẻ 4 tuổi: 2 trẻ.

 + Trẻ 5 tuổi: 3 trẻ.

- Trẻ có hộ khẩu tại địa phương: 7 trẻ

- Trẻ dân tộc thiểu số: 7; Nữ: 2; DT 7; Nữ DT: 2

 **b. Kết quả cân đo trẻ đầu năm học:**

 - Tổng số trẻ được cân đo đầu năm: 7 trẻ, tỷ lệ: 100 %

 - **Cân nặng:**

 + Kênh bình thường: 7 trẻ ; tỷ lệ: 100 %

 + SDDTCC: 0, trẻ tỉ lệ: 0 %

 + Thừa cân: 0 trẻ, tỷ lệ 0 %

- **Chiều cao:**

 + Kênh bình thường: 7 trẻ ; tỷ lệ: 100 %

 + SDDTTC: 0, trẻ tỉ lệ: 0 %

 + SDDTCC: 0, trẻ tỉ lệ: 0 %

 **c. Nề nếp, thói quen trẻ:**

- Trẻ có nề nếp, thích được đến trường, lớp, biết đoàn kết giúp đỡ bạn bè, hăng hái tham gia xây dựng bài.

- Trẻ chơi ngoan, đoàn kết, biết nhường nhịn và giúp đỡ bạn trong khi chơi.

- Trẻ có thói quen đến giờ đi ngủ, ngủ ngoan, ngủ đủ giấc, không nói chuyện và không treo chọc bạn khi ngủ.

- Trẻ có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ chơi, không dập phá hoặc tranh đồ chơi của bạn.

- Trẻ trật tự, nghiêm túc, ngoan ngoãn, không nói chuyện riêng khi tham gia vào các hoạt động.

 **1.3 Thuận lợi, khó khăn:**

 **a. Thuận lợi:**

 - Được sự quan tâm của BGH trường mầm non Prao – Tà Lu, của tổ chuyên môn và các bậc phụ huynh của lớp.

- Giáo viên đoàn kết, nhiệt tình yêu nghề có ý thức trong công việc được giao.

- 100% giáo viên sử dụng được CNTT.

- Trẻ ra lớp đầy đủ, vâng lời giáo viên.

- Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc chăm sóc giáo dục trẻ.

 **b. Khó khăn:**

- Do lớp ghép 3 độ tuổi nên trong việc trẻ học tập và tiếp thu cũng như soạn giảng còn gặp khó khăn.

**2. Mục tiêu giáo dục năm học**

**2.1** **Chăm sóc trẻ.**

- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ.

 - Trẻ được phòng chống các dịch bệnh theo mùa.

 - Kiểm tra sức khỏe của trẻ đầu năm: đo chiều cao, đo cân nặng, thị lực cho trẻ

- Trẻ được chăm sóc trong môi trường giáo dục an toàn- xanh- sạch- đẹp.

- Trẻ khỏe mạnh hồn nhiên, cơ thể phát triển cân đối hài hòa.

- Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm, cân đo 3 lần/ năm, được theo dõi và đánh giá sự phát triển về cân nặng và chiều cao theo qui định. Giảm tỷ lệ trẻ mắc các bệnh so với đầu năm học.

 - 100% trẻ có kỹ năng và thói quen vệ sinh cá nhân, vệ sinh răng miệng. 100% trẻ biết rửa mặt, rửa tay, tự mặc và cởi được quần áo...

 - Đo chiều cao cân nặng, ghi biểu đồ tăng trưởng mỗi quý một lần nhằm phát hiện sớm suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. Trẻ 60 tháng trở lên theo dõi chỉ số khối cơ thể - BMI

 - Theo dõi nhiệt độ cơ thể của trẻ khi trẻ đến lớp.

 - Lập kế hoạch phục hồi cho trẻ thừa cân béo phì, suy đinh dưỡng nếu có trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì

**2.2. Nuôi dưỡng.**

- Trẻ có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân. 100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối, không xảy ra ngộ độc, dịch bệnh.

- Trẻ nhận biết được tên các loại thực phẩm, món ăn quen thuôc. Biết được món ăn có lợi cho sức khỏe, món ăn ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe.

- Khuyến khích trẻ ăn hết suất, uống đủ nước theo nhu cầu của cơ thể.

- Hướng dẫn trẻ rửa tay sạch trước khi ăn.

- Hướng dẫn trẻ kê, xếp bàn ghế.

- Chuẩn bị khăn mặt, bát, thìa, cốc uống nước đủ cho từng trẻ.

- Tạo không khí vui vẻ, thoải mái cho trẻ trong khi ăn, nói năng dụi dàng, dộng viên, khuyên khích trẻ ăn hết suất.

- Trong khi ăn, cần chú ý đề phòng trẻ bị hóc, sặc.

- Sau khi ăn hướng dẫn trẻ cất thìa và khay đúng nơi quy định.

- Bố trí chỗ ngủ sạch sẽ, yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm ấp về nùa đông, ánh sáng phù hợp.

- Trẻ biết ăn nhiều rau xanh, ăn nhiều trái cây bổ sung vitamin cho cơ thể khỏe mạnh.

**2.3. Giáo dục**

**a. Phát triển thể chất**

\* 3 tuổi:

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thưởng theo lứa tuổi.

- Có một số tổ chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ”.

- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.

- Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. (Mục tiêu 01)

- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn. (Mục tiêu 02)

- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: (Mục tiêu 03)

+ Đi hết đoạn đường hẹp (3x0.2m).

- Trẻ kiểm soát được vận động đi và chạy: (Mục tiêu 04)

- Trẻ phối hợp được tay-mắt trong vận động: (Mục tiêu 05)

+ Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 2,5m).

+ Tự đập – bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm).

- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: (Mục tiêu 06)

+ Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng

+ Ném trúng đích ngang (xa 1,5m).

+ Bò trong đường hẹp (3mx0.4m) không chệch ra ngoài.

- Trẻ thực hiện được các vận động: (Mục tiêu 07)

- Trẻ phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: (Mục tiêu 08)

- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sửa, rau…). (Mục tiêu 09)

- Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau… (Mục tiêu 10)

- Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. (Mục tiêu 11)

- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản tự phục vụ trong sinh hoạt với sự giúp đỡ của người lớn: rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần, áo… (Mục tiêu 12)

- Trẻ sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. (Mục tiêu 13)

- Trẻ có một số hành vi, thói quen tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi… (Mục tiêu 14)

- Trẻ có một số hành vi, thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: (Mục tiêu 15)

- Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng…) khi được nhắc nhở. (Mục tiêu 16)

- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi…). (Mục tiêu 17)

- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không cười đùa trong khi ăn uống, hoặc ăn các loại có hạt, không tự lấy thuốc, không leo trèo bàn ghế, lan can, không nghịch vật sắc nhọn, không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. (Mục tiêu 18)

\* 4 tuổi :

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi

( Mục tiêu 1)

+ Trẻ trai: Cân nặng: 14,1-24,2kg

 Chiều cao: 100,7-119,2cm

+ Trẻ gái: Cân nặng: 13,7-24,9kg

 Chiều cao: 99,9- 118,9cm

- Trẻ biết một ố món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe. ( Mục tiêu 2)

- Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản. ( Mục tiêu 3)

- Trẻ thực hiện được một số việc khi đựơc nhắc nhở. ( Mục tiêu 4)

- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống ( Mục tiêu 5)

- Trẻ không ăn những thức ăn có mùi ôi, thiu, không uống nước lã. ( Mục tiêu 6)

- Trẻ thực hiện được mốt số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bênh khi được nhắc nhở. ( Mục tiêu 7)

- Trẻ nhận ra và tránh một số đồ vật nguy hiểm, nơi nguy hiểm. ( Mục tiêu 8)

- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.

 ( Mục tiêu 9)

- Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ ( Mục tiêu 10)

- Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh. ( Mục tiêu 11)

- Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi khụy gối, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn

( Mục tiêu 12)

- Trẻ giữ được thăng bằng khi đi bước lùi liên tiếp 3m. ( Mục tiêu 13)

- Trẻ giữ thăng bằng cơ thể khi đi trên ghế thể dục. ( Mục tiêu 14)

- Trẻ kiểm soát được vận động khi đi đổi hướng vaanh động đúng tín hiệu vật chuẩn(4-5 vật chuẩn đặt dích dắc) ( Mục tiêu 15)

- Trẻ kiểm soát vận động khi chạy đổi hướng, vận động đúng tín hiệu vật chuẩn. ( Mục tiêu 16)

- Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong vận động tung và bắt bóng với người đối diện ( khoảng cách 3m) ( Mục tiêu 17)

- Trẻ biết phối hợp vận động tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay. ( Mục tiêu 18)

- Trẻ biết phối hợp vận động khi ném trúng đích. ( Mục tiêu 19)

- Trẻ thể hiện nhanh nhẹn khi chạy 15m trong 10 giây. ( Mục tiêu 20)

- Trẻ thể hiện sức bền khi biết chạy chậm 60-80m ( Mục tiêu 21)

- Trẻ biết chạy theo bóng và bắt bóng. ( Mục tiêu 22)

- Trẻ biết đập bóng xuống sàn và bắt bóng khi bóng nảy lên. ( Mục tiêu 23)

- Trẻ biết ném xa bằng 1 tay, 2 tay ( Mục tiêu 24)

- Trẻ biết phối hợp khéo léo chuyền, bắt bóng qua đầu qua chân. ( Mục tiêu 25)

- Trẻ biết phối hợp tay, chân nhịp nhàng giữ được thăng bằng cơ thể khi biết bật liên tục vào vòng, bật chụm tách chân ( Mục tiêu 26)

- Trẻ biết bật qua vận cản. ( Mục tiêu 27)

- Trẻ biết bật xa 30-40cm. ( Mục tiêu 28)

- Tre biết bật nhảy từ trên cao 30-35cm xuống ( bật sâu) ( Mục tiêu 29)

- Trẻ biết nhảy lò cò. ( Mục tiêu 30)

- Trẻ biết phối hợp bò bằng bàn tay, bàn chân. ( Mục tiêu 31)

- Trẻ biết phối hợp vận động và định hướng trong không gian bò theo đường dích dắc, không chệch ra ngoài. ( Mục tiêu 32)

- Trẻ biết khéo léo bò chui qua cổng, ống dài( 1,2 x 0,6m). ( Mục tiêu 33)

- Trẻ biết trườn theo hướng thẳng. ( Mục tiêu 34)

- Trẻ biết trèo qua ghế dài. ( Mục tiêu 35)

- Trẻ khéo léo , giữ thăng bằng trèo lên, xuống 5 gióng thang. ( Mục tiêu 36)

- Trẻ thực hiện các cử động của bàn tay, ngón tay. ( Mục tiêu 37)

- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt.( Mục tiêu 38)

\* 5 tuổi :

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.và có một số tố chất vận động nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

- Giữ được thăng bằng khi đi trẻ ghế thể dục hoặc tự đi lên – xuống trên ván kê dốc.

- Có khả năng kiểm soát tốt vận động. Thay đổi hướng chạy theo mệnh lệnh.

- Phối hợp chính xác khi tung/ ném/ đập – bắt bóng, có thể ghép, cắt lượn theo khuôn hình, xâu dây giày, cài, coir phéc – mơ – tuya.

- Nhanh nhẹn khéo léo trong chạy nhanh, bò theo đường dích dắt.

**-**Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- Thực hiện được một số công việc đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày.

- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.

- Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

**MT1:** Bật xa tối thiểu 50 cm **(CS1)**

**MT2:** Nhảy xuống được từ độ cao 40cm **(CS2)**

**MT3:** Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động

- Đi lên , xuống ván dốc ( dài 2m rộng 0,3m ) một đầu kê cao 30cm

- Đứng 1 chân và giữ thẳng người trong 10 giây

**MT4:** Đi chạy thay đổi hướng vận động theo hiệu lệnh

**MT5:** Phối hợp tay mắt trong vận động; thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tậptổng hợp:

- Tung, đập và bắt bóng nảy 4 – 5 lần. **(CS 10)**

**-** Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) **( CS 3)**

**-** Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây **(CS 12)**

**-** Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất **(CS 4)**

- Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m)

**MT6:** Thực hiện các vận động; phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số vận động

- Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay.

- Gập mở lần lượt từng ngón tay.

- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.

- Cắt được theo đường viền các hình vẽ. **(CS 7)**

- Xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu.

- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.

- Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc—mơ-tuya.

**MT7:** Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt cá.... Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng.

**MT8:** Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, nướng, rán, kho...; gạo có

thể nấu cơm, nấu cháo. **(CS 19 )**

**MT9:** Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khoẻ mạnh; không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khoẻ. **(CS 20)**

**MT10:** Thực hiện một số việc đơn giản:

- Biết rửa tay bằng xa phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn **(CS 15)**

- Tự rửa mặt, chải răng hằng ngày**( CS16)**

**-** Tự mặc và cởi quần áo **( CS 5)**

- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, đi xong dội/ giật nước cho sạch.

**MT11:** Sự dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.

**MT12:** Có một số hành vi và thói quen trong ăn uống:

- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.

- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.

- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.

- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.

**MT13:** Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh và phòng bệnh : che miệng khi hắt hơi. **(CS17)**

**MT14:** Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh: Bàn là, bếp điện, bếp lò, nước sôi, những vật sắc nhọn, ao hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...

* Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm**. (cs 21)**
* Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm. **(cs 22)**
* Không chơi những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. **(cs 23)**

**MT15:** Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: Cháy, có người rơi xuống nước, khi người lạ bế ẵm, ra khỏi nhà.

**MT16:** Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.

**MT17:** Nhảy lò cò 5m, được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. **(cs 9)**

**MT18:** Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0.25m x 0,35m). **(cs11)**

**MT19:** Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian **( cs13)**

**MT20:** Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút. **(cs14)**

**MT21:** Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.**(cs18)**

**MT22:** Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. **(cs24)**

**MT23:** Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. **(cs25)**

**MT24:** Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc. **(cs26)**

**MT25:** Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục

**MT26:** Bò dích dắc qua 5 điểm cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu

**MT27:** Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh

- Biết: cười đùa trong khi ăn uống, hoặc ăn các loại quả có hạt sẽ dễ bị hóc, sặc......

- Biết không tự ý uống thuốc

- Biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ sẽ bị ngộ độc.

**b. Phát triển nhận thức**

\* 3 tuổi :

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tỏi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

- Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng. (Mục tiêu 19)

- Trẻ sử dụng các giác quan để xem xé tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ… để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. (Mục tiêu 20)

- Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như là xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. (Mục tiêu 21)

- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. (Mục tiêu 22)

- Trẻ mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. (Mục tiêu 23)

- Trẻ phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. (Mục tiêu 24)

- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. (Mục tiêu 25)

- Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình… (Mục tiêu 26)

- Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. (Mục tiêu 27)

- Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. (Mục tiêu 28)

- Trẻ so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. (Mục tiêu 29)

- Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. (Mục tiêu 30)

- Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 tành 2 nhóm. (Mục tiêu 31)

- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại. (Mục tiêu 32)

- Trẻ so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau. (Mục tiêu 33)

- Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. (Mục tiêu 34)

- Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. (Mục tiêu 35)

- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. (Mục tiêu 36)

- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. (Mục tiêu 37)

- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. (Mục tiêu 38)

- Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. (Mục tiêu 39)

- Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng… khi được hỏi, xem tranh. (Mục tiêu 40)

- Trẻ biết, kể tên một số lễ hội trong trường mầm non và tại địa phương qua trò chuyện, tranh ảnh. (Mục tiêu 41)

- Trẻ biết cờ Tổ quốc, tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. (Mục tiêu 42)

***c. Phát triển ngôn ngữ:***

\* 3 tuổi :

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hằng ngày.

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. (Mục tiêu 43)

- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả… (Mục tiêu 44)

- Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. (Mục tiêu 45)

- Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép. (Mục tiêu 46)

- Trẻ nói rõ các tiếng. (Mục tiêu 47)

- Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí. (Mục tiêu 48)

- Trẻ kể lại sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim… (Mục tiêu 49)

- Trẻ sử dụng những các từ thông dụng chỉ từ vựng, hoạt động, đặc điểm… (Mục tiêu 50)

- Trẻ sử dụng các từ: “Vâng ạ”, “Dạ”, “Thưa” trong giao tiếp… (Mục tiêu 51)

- Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dai, đồng dao… (Mục tiêu 52)

- Trẻ kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. (Mục tiêu 53)

- Trẻ bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. (Mục tiêu 54)

- Trẻ đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự dở sách xem tranh. (Mục tiêu 55)

- Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. (Mục tiêu 56)

- Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc. (Mục tiêu 57)

\* 4 tuổi :

- Trẻ nhận biết được về bản thân khi được hỏi và trò chuyện. ( Mục tiêu 39)

- Trẻ nhận biết về gia đình khi được hỏi và trò chuyện. ( Mục tiêu 40)

- Trẻ có hiểu biết về trường mầm non. ( Mục tiêu 41)

- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi trẻ được hỏi, trò chuyện. ( Mục tiêu 42)

- Trẻ nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở của địa phương. ( Mục tiêu 43)

- Trẻ biết tên gọi, đặc điểm của một số ngày lễ hội. ( Mục tiêu 44)

- Trẻ kể được tên và một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương. ( Mục tiêu 45)

- Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện

tượng đó. ( Mục tiêu 46)

* Trẻ thích tìm hiểu, khám phá đồ vật (đồ dùng, đồ chơi). ( Mục tiêu 47)
* Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. ( Mục tiêu 48)
* Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau. ( Mục tiêu 49)
* Trẻ nhận biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật gần gũi.

 ( Mục tiêu 50)

* Trẻ nhận biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây cối, hoa, quả gần gũi. ( Mục tiêu 51)
* Trẻ biết đặc điểm, công dụng của phương tiện giao thông, phân loại theo 1 -2 dấu hiệu và một số quy định giao thông đơn giản. ( Mục tiêu 52)
* Trẻ phân loại được các đối tượng theo 1-2 dấu hiệu . ( Mục tiêu 53)
* Trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản của sư vật và hiện tượng quen thuộc, tìm hiểu nguyên nhân xảy ra các sự vật, hiện tượng đó. ( Mục tiêu 54)
* Trẻ nhận biết và gọi tên 4 màu. ( Mục tiêu 55)
* Trẻ quan tâm đến chữ số và số lượng. ( Mục tiêu 56)
* Trẻ nhận biết chữ số, số lượng, sốthứ tự từ 1 – 5. ( Mục tiêu 57)
* Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. ( Mục tiêu 58)
* Trẻ so sánh được số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. ( Mục tiêu 59)
* Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.

 ( Mục tiêu 60)

* Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. ( Mục tiêu 61)
* Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn. ( Mục tiêu 62)
* Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.

( Mục tiêu 63)

* Trẻ biết so sánh hai đối tượng, cách đo độ dài, đo dung tích và nói kết quả đo ( Mục tiêu 64)
* Trẻ nhận biết được sự giống và khác nhau giữa hai hình (tròn, tam giác, vuông, chữ nhật) ( Mục tiêu 65)
* Trẻ xác định được vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác

( Mục tiêu 66).

* Trẻ nhận biết được các buổi sáng, trưa, chiều, tối. ( Mục tiêu 67)

\* 5 tuổi :

- Thích tìm tòi khám phá môi trường xung quanh. Hay đặt câu hỏi: Tại sao? Để làm gì? làm thế nào? Khi nào?

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định, diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

+ Phân loại được một số đối tượng theo2-3 dấu hiệu cho trước. Tìm ra dấu hiệu phân loại.

+ Phân biệt hôm qua hôm nay, ngày mai.

+ Phân biệt bản thân với bạn cùng tuổi.

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

 - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

 **MT28:** Tò mò, tìm tòi, thích khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh: Như đặt câu hỏi: Tại sao? Để làm gì? Làm thế nào? Khi nào?

**MT29:** Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật hiện tượng như sử dụng của các giác quan khác nhau để gọi tên, xem xét lá, hoa, quả.... và thảo luận về các đặc điểm của đối tượng.

**MT30:** Phối hợp các giác quan khác nhau để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng.

**MT31:** Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên**. (cs93)**

**MT32:** Nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống**. ( cs 94 )**

**MT33:** Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra**. (cs 95 )**

**MT34:** Phân loại được một số dồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng. **(cs96)**

**MT35:** Biết giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.

**MT36:** Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày. **(cs114)**

**MT37:** Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.

**MT40:** Loại bỏ được một đối tượng không cùng nhóm với đối tượng còn lại. **(cs115)**

**MT41:** Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

**MT42:** Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. **(cs104)**

**MT43:**Tách, gộp 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm**. (cs105)**

**MT44:**Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.

**MT45:** Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo**. (cs106)**

**MT46:** Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.

**MT47:** Gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau và các khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. **(cs 107)**

**MT48:** Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với vật khác**. (cs 108)**

**MT49:** So sánh và sử dụng được các từ: To nhất − nhỏ hơn – nhỏ nhất, cao nhất – thấp hơn – thấp nhất, rộng nhất – hẹp hơn – hẹp nhất, nhiều hơn – ít hơn – ít nhất.

**MT50:** Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hằng ngày**.**

**(cs 110 )**

**MT51:** Nói được ngày trên lốc lịch và giờ chẵn trên đồng hồ**.(cs 111)**

**MT52:** Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc. **(cs116)**

**MT53:** Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.

**MT54:** Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân. **(cs29)**

**MT55:** Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. **(cs28)**

**MT56:** Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình. **(cs27)**

**MT57:** Nói được tên, công việc của cô giáo và các bác nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.

**MT58:** Nói được địa chỉ gia đình, số điện thoại khi được hỏi trò chuyện.

**MT59:** Nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi.

**MT60:** Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.

**MT61:** Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. **(CS97)**

**MT62:** Nhận biết một vài nét đặc trưng về danh lam thắng cảnh của địa phương và quê hương đất nước.

**MT63:** Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. **(cs98)**

**MT64:** Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.

**MT65:** Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.

**MT66:** Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung. **(cs92)**

**MT67:** Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự. **(cs109)**

**MT68:** Hay đặt câu hỏi. **(cs112)**

**MT69:** Thích khám phá các hiện tượng sự vậy xung quanh. **(cs113)**

**MT70:** Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. **(cs118)**

**MT71:** Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. **(cs119)**

**MT72:** Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.

**d. Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội**

\* 3 tuổi :

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Trẻ nói được điều bé thích, không thích. (Mục tiêu 58)

- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. (Mục tiêu 59)

- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao. (Mục tiêu 60)

- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. (Mục tiêu 61)

- Trẻ nhận ra cảm xúc qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh… (Mục tiêu 62)

- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. (Mục tiêu 63)

- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ. (Mục tiêu 64)

- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ và quê hương. (Mục tiêu 65)

- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình. (Mục tiêu 66)

- Trẻ biết chào hoit và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở… (Mục tiêu 67)

- Trẻ biết chú ý khi nghe cô và bạn nói. (Mục tiêu 68)

- Trẻ quan tâm đến môi trường, thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây, bỏ rác đúng nơi quy định. (Mục tiêu 69)

\* 4 tuổi :

- Trẻ thể hiện được ý thức của bản thân, nói được tên, tuổi, giới tính

của bản thân, tên bố, mẹ, cô giáo và các bạn trong lớp. ( Mục tiêu 86)

- Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực. ( Mục tiêu 87)

- Trẻ nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi,

tức giận, xấu hổ của người khác. ( Mục tiêu 88)

- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc, tình cảm với người thân và bạn bè.

( Mục tiêu 89)

 - Trẻ thể hiện tình cảm kính yêu Bác Hồ. ( Mục tiêu 90)

 - Trẻ quan tâm đến cảnh đẹp tự nhiên, lễ hội, dí tích lịch sử của quê hương, đất nước. ( Mục tiêu 91)

 - Trẻ thực hiện được một số hành vi ứng xử trong xã hội. ( Mục tiêu 92)

 - Trẻ chú ý lắng nghe khi cần thiết. . ( Mục tiêu 93)

 - Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động |

chung (chơi, trực nhật...). . ( Mục tiêu 94)

- Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc. . ( Mục tiêu 95)

- Trẻ bết giữ gìn và bảo vệ môi trường. . ( Mục tiêu 96)

 \* 5 tuổi :

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

+ Hợp tác chia sẻ với bạn bè trong các hoạt động.

+ Có hành vi ứng xử đúng với bản thân và những người xung quanh.

+ Có hành vi, hành vi thái độ thể hiện sự quan tâm đến những người gần gũi.

+ Vui vẻ nhậm và thực hiện công việc đươc giao đến cùng.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

 **MT114:** Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, – Bản thể tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.

**MT 115:** Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và những điều không làm được**.**

**MT 116:** Nói được mình có điểm gì giống và khách bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).

**MT117:** Biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình.

**MT118:** Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.

**MT119:** Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày. **(cs33 )**

**MT120:** Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. **( CS 31)**

**MT121:** Trẻ nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác **(CS 35)**

**MT122:** Biết thổ lộ cảm xúc: vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ...qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. **(Cs 36 )**

**MT123:** Biết an ủi, chia vui với người thân và bạn bè **( CS 37)**

**MT124:** Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ

**MT125:**Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.

**MT126:** Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hoá truyền thống của quê hương đất nước

**MT127:** Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình, nơi công cộng.

**MT128:** Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép **( CS 54)**

**MT129:** Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.

**MT130:** Biết chờ đến lượt **(CS 47)**

**MT131:** Lắng Nghe ý kiến của người khác **( CS 48)**

**MT132:** Trao đổi ý kiến của mình với các bạn **( CS 49)**

**MT133:** Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn. Biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn. **(CS 60)**

**MT134:** Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc **(CS 39)**

**MT135**: Bỏ rác đúng nơi quy định.

**MT136:** Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày **(CS 57)**

**MT137:** Tiết kiệm trong sinh hoạt.

**MT138:** Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân **( CS 29)**

**MT139:** Đề xuất tò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.( **CS30)**

**MT140:** Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. **(CS32)**

**MT141:** Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. **(CS34)**

**MT142:** Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc và phù hợp với hoàn cảnh. **(cs40)**

**MT143:** Biết kìm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. **(cs41)**

**MT144:** Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi. **(CS42)**

**MT145:** Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi. **(CS43)**

**MT146:** Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi. **(CS44)**

**MT147:** Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. **(CS45)**

**MT148:** Có nhóm bạn chơi thường xuyên. **(CS46)**

**MT149:** Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè. **(CS50)**

**MT150:** Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. **(CS51)**

**MT151:** Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. **(cs52)**

**MT152:** Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác. **(cs53)**

**MT153:** Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết**. (cs55)**

**MT154:**Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường. **(CS56)**

**MT155:** Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân. **(CS58)**

**MT156:** Chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình. **(cs59)**

 **đ. Phát triển thẩm mĩ**

\* 3 tuổi :

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

 - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

- Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật, hiện tượng. (Mục tiêu 70)

- Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện. (Mục tiêu 71)

- Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. (Mục tiêu 72)

- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). (Mục tiêu 73)

- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. (Mục tiêu 74)

- Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. (Mục tiêu 75)

- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản, trẻ biết sử dụng dấu vân tay của mình để tạo thành hình cây, hoa, hoàn thiện khuôn mặt… (Mục tiêu 76)

- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. (Mục tiêu 77)

- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. (Mục tiêu 78)

- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. (Mục tiêu 79)

- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. (Mục tiêu 80)

- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình. (Mục tiêu 81)

- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. (Mục tiêu 82)

- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình. (Mục tiêu 83)

\* 4 tuổi :

- Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật ( Mục tiêu 97)

- Trẻ thích thú, chú ý nghe nhạc, nghe hát, nhận ra giai điệu. ( Mục tiêu 98)

- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái lúc của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.. ( Mục tiêu 99)

- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản địa nhạc với các hình thức (vỗ tay hả theo nhịp, tiết tấu, múa). ( Mục tiêu 100)

- Trẻ biết phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc dị và biết sử dụng để đệm theo nhịp bài hát, bản nhạc. ( Mục tiêu 101)

- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu khác nhau để tạo một thuật sản phẩm đơn giản. ( Mục tiêu 102)

- Trẻ có một số kĩ năng trong hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, kh

xếp hình) tạo thành sản phẩm đơn giản. ( Mục tiêu 103)

- Trẻ biết nhận xét và giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn. ( Mục tiêu 104)

- Trẻ thể hiện sự sáng tạo, biết lựachọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. ( Mục tiêu 105)

- Trẻ nói được ý tưởng, đặt tên cho sản phẩm của mình. ( Mục tiêu 106)

\* 5 tuổi :

**-** Thích tìm hiểu và biết bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, các tác phẩm nghệ thuật.

- Thích nghe nhạc, nghe hát và ghe đọc thơ, kể chuyện , chăm chú lắng nghe và nhận ra những gia điệu khác nhau của các bài hát, bản nhạc và vần thơ.

- Hát đứng và biết thể hiện sắc thái tình cảm qua các bài hát mà trẻ yêu thích.

- Biết sử dụng các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo các tiết tấu của bài hát, bản nhạc một cách phù hợp.

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

 **MT157:** Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.

**MT158:** Nhận ra giai điệu (vui, buồn, êm dịu) của bài hát hoặc bản nhạc**. (cs 99)**

**MT159:** Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh hoạ phù hợp) theo bài hát, bản nhạc.

**MT160:** Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phủ hợp với sắc thái tình cảm của bài hát qua giọng hát trong hát, nét mặt, điệu bộ cử chỉ. **(cs 100 )**

**MT161:** Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát, bản nhạc với các hình thức nhịp điệu (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).

**MT162:** Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động các bài hát, theo bản nhạc yêu thích.

**MT163:** Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.

**MT164:**Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản**. ( cs 102)**

**MT165:**Trẻ biết phối hợp màu sắc, hình dạng, đường nét để tạo ra sản phẩm tạo hình có bố cân đối, màu sắc hài hoà.

**MT166:** Phối hợp các kĩ năng vẽ, cắt, xé dán, để tạo thành một bức tranh có màu sắc hài hoà.

**MT167:** Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.

**MT168:** Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.

**MT169:** Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của hình**. ( CS103 )**

**MT170:**Trẻ biết cách nhận xét các sản phẩm tạo hình về bố cục, nội dung, màu sắc, hình dáng.

**MT171:** Biết giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn.

**MT172:** Tô kín, không chườm ra ngoài đường viền các hình vẽ. **(CS6)**

**MT173:** Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn. **(CS8)**

**MT174:** Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. **(CS101)**

**MT175:** Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

**MT 176:** Thể hiện sự thích thú với cái đẹp **(CS38)**

 **3. Dự kiến chủ đề giáo dục trong năm học:**

- Thực hiện đảm bảo khung thời gian năm học theo quy định.

- Có 35 tuần thực học (học kỳ I có 18 tuần, học kỳ II có 17 tuần), cụ thể:

- Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2024 đến ngày 18/01/2025 (có 18 tuần thực học, thời gian còn lại dành cho các hoạt động khác).

- Học kỳ II: Từ ngày 20/01/2025 đến ngày 25/5/2025 (có 17 tuần thực học, thời gian còn lại dành cho nghỉ lễ, tết và các hoạt động khác).

Gồm 10 chủ đề:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **Thời gian** |
| T**ựu trường** | 29/8/2024 |
| **HỌC KỲ I (18 tuần)** |
| **Ổn định đầu năm** | 05/09/2024 -16/09/2024 |
| 1 | **Trường mầm non của bé và ngày hội trăng rằm** | Bé vui hội trăng rằm  | 4 tuần(16//9 - 13/10/2024) |
| Bé vui đến trường |
| Lớp học thân yêu của bé |
| Đồ dùng đồ chơi bé thích |
| 2 | **Bé biết gì về bản thân**  | Bé là ai | 3 tuần(14/10 - 3/11/2024) |
| Cơ thể kỳ diệu của bé |
| Sức khỏe và dinh dưỡng cho bé |
| 3 | **Gia đình thân yêu****và cô giáo yêu thương** | Bé và gia đình thân yêu | 4 tuần(4/11 - 1/12/2024) |
| Ngôi nhà bé yêu |
| Cô giáo của con  |
| Đồ dùng trong gia đình bé  |
| 4 | **Nghề bé thích và cô chú bộ đội bé yêu**  | Ước mơ của bé  | 4 tuần(2/12 - 29/12/2024) |
| Nghề phổ biến quen thuộc  |
| Nghề truyền thống của Đông Giang  |
| Bé yêu cô chú bộ đội  |
| 5 | **Những con vật ngộ nghĩnh** | Con vật ngộ nghĩnh trong gia đình | 3 tuần(30/12/2024 - 18/01/2025) |
| Côn trùng và động vật sống trong rừng  |
| Con vật đáng yêu dưới nước |

**HỌC KỲ II ( 17 Tuần thực học)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | Bé và tết quê bé | 1 tuần20/1/2025 – 26/1/2025 |
| ***Nghỉ Tết Nguyên đán từ ngày 27/01/2025 – 2/02/2025*** |
| Muôn hoa khoe sắc  | 3 tuần*(*3/2 - 23/02/2025) |
| Bé yêu cây xanh  |
| Bé vui cùng rau củ quả |
| 7 | **Phương tiện giao thông và ngày hội cô và mẹ** | PTGT đường bộ bé thích | 4 tuần(24/2 - 23/3/2025) |
| Bé yêu cô và mẹ  |
| Đường thủy và đường hàng không bé yêu |
| Luật lệ giao thông  |
| 8 | **Hiện tượng thiên nhiên kỳ thú**  | Nước và đời sống con người  | 3 tuần(24/03 - 13/4/2025) |
| Thời tiết và mùa  |
| Đất, cát, đá, sỏi  |
| 9 | **Quê hương – Đất nước**  | Quê hương Đông Giang của bé | 3 tuần(14/4- 4/5/2024) |
| Thủ đô của bé  |
| Bé yêu biển và hải đảo |
| 10 | **Trường Tiểu học và Bác Hồ kính yêu** | Bé biết gì về Trường Tiểu học  | 3 tuần(5/5- 25/5/2024) |
| Bé cần gì để vào lớp 1 |
| Bác Hồ và các em thiếu nhi |

**4. Các hoạt động chuyên môn hỗ trợ phát triển CT GDMN:**

 **a. Thực hiện các chuyên đề**

 - Lồng ghép giáo dục an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, học thông qua chơi có đáp ứng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và ứng phó với biến đổi khí hậu phòng chống thảm họa thiên tai, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.

 - Lồng ghép giáo dục đảm bảo theo quyền con người.

 - Tiếp cận staem trong giáo dục và chăm sóc trẻ.

- Trang trí môi trường bên trong và bên ngoài lớp học theo chủ đề “Xây dựng trường mầm non xanh – an toàn – thân thiện”.

- Chú trọng về việc “Xây dựng trường học hạnh phúc” trong nhà trường. Lồng ghép chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam” vào các chủ đề giáo dục trẻ.

- Tạo dựng môi trường giáo dục tăng cường tiếng Việt dựa trên cơ sở tiếng mẹ đẻ. Với những nơi dân tộc thiểu số có chữ viết, môi trường giáo dục trong trường, lớp được sử dụng bằng lời nói và chữ viết trên nền tiếng mẹ đẻ của trẻ và tiếng Việt.

- Tiếp tục củng cố các chuyên đề “Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ”; “Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống”; “Đổi mới tổ chức hoạt động phát triển nhận thức trong trường mầm non”; “Tổ chức bữa ăn học đường cho trẻ”.

- Lồng ghép các nội dung quan sát trẻ, dạy học thông qua chơi có đáp ứng giới vào chương trình của giáo viên. Tổ chức nhiều trò chơi sinh động thu hút trẻ thông qua các hoạt động đã được tập huấn do VVOV tài trợ.

- Thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục trẻ với cộng đồng về chương trình GDMN.

- Phối hợp tham gia tổ chức sinh hoạt chuyên môn cụm theo kế hoạch đề ra.

**b. Tham gia hội thi trong năm**

**-** Cấp trường

+ Hội thi “ Giáo viên dạy giỏi cấp trường”

 + Hội thi “Lễ hội mùa xuân”

+ Hội thi “Gia đình dinh dưỡng trẻ thơ”

**c. Thực hiện các hoạt động thao giảng và chuyên đề:**

**\* Thao giảng:**

+ Trong năm tổ chức 02 hoạt động thao giảng cấp trường.

**\* Chuyên đề:**

- Tăng cườn tiếng việt và làm quen với văn hóa cơ tu – tháng 10/2024

- Hoạt động góc – tháng 12/2024

- Giáo duc tiếp cận staem – tháng 2/2025

 **d. Tổ chức và tham gia các kịch bản trong năm**

- Tham gia “Ngày hội đến trường của bé”.

- Tham gia “Vui hội trăng rằm”.

- Tổ chức sinh hoạt văn nghệ 20/10, 20/11, 22/12, 8/3, 19/5.

- Lễ bế giảng, phát thưởng, mừng trẻ 5 tuổi ra trường.

**e. Tham quan học tâp:**

- Tham gia bồi dưỡng chuyên môn của phòng Giáo dục, của nhà trường và tổ chuyên môn

- Dự giờ học hỏi các khối, và nhóm lớp

- Phối hợp nhà trường thăm quan nhà truyền thống của địa phương.

- Phối hợp với nhà trường và phụ huynh cho trẻ tham quan trường tiểu học để chuẩn bị tiền đề cho trẻ vào lớp một.

**f. Sự phối hợp với phụ huynh**

 - Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh để nâng cao chất lượng thực hiện các chuyên đề một cách có hiệu quả (qua các lần hội họp, giờ đón trẻ, qua các tranh ảnh tuyên truyền…).

- Phối hợp với phụ huynh tham gia các ngày hội ngày lễ và các hội thi do nhà trường tổ chức.

- Giáo viên cùng phụ huynh xây dựng môi trường trong và lớp học theo chủ đề “Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo” như ý tưởng thiết kế lớp học, ủng hộ cho lớp những đồ dùng tái chế…

**5. Chỉ tiêu đạt.**

**5.1. Hoạt động chăm sóc trẻ**

 - 100% đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.

 - 100 % trẻ được khám sức khỏe đầu vào.

 - 100 % trẻ được khám sức khỏe 2 lần /năm

 - 100% trẻ được cân đo theo dõi biểu đồ cá thể.

 - Tỷ lệ trẻ có sức khỏe bình thường: 100%.

 - Tỷ lệ trẻ SDD các thể loại: 0%

 - Tỷ lệ trẻ thừa cân – béo phì: 0%

 - Các lớp cân đo sức khoẻ trẻ đúng thời gian qui định.

 - Đôn đốc cho giáo viên theo dõi sức khoẻ trên biểu đồ tăng trưởng, có đồ dùng vệ sinh cá nhân riêng lẻ, thực hiện khâu đảm bảo yêu cầu của nhà trường.

- Các lớp thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch bệnh theo mùa đối với trẻ.

**5.2. Hoạt động nuôi dưỡng**

Thường xuyên cập nhật thông tin đóng góp từ phụ huynh. Đảm bảo không có học sinh bị ngộ độc thức ăn.

 Tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra vệ sinh môi trường ở các lớp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

 Giáo viên tuyên truyền với phụ huynh về an toàn thực phẩm về dinh dưỡng trong các bữa ăn nhằm hạn chế trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.

 Có nhiều biện pháp nâng cao trình độ nhận thức cho CBGV trong trường về kiến thức chăm sóc sức khoẻ cho trẻ.

**5.3. Hoạt động giáo dục:**

Huy động trẻ trên địa bàn ra lớp trên 100%.

Duy trì sĩ số thường xuyên đạt trên 100%.

 Hoạt động vệ sinh:100 %.

 Tỷ lệ chất lượng giáo dục theo 5 lĩnh vực phát triển:

 + Lĩnh vực phát triển thể chất: 100%

 + Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: 100%

 + Lĩnh vực phát triển nhận thức: 100%

 + Lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội: 100%

+ Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: 100%

 Tỷ lệ bé ngoan: Đạt 100 %.

 Tỷ lệ chuyên cần: Đạt 100%.

+ Phấn đấu đến cuối năm học tỉ lệ bé chăm, bé ngoan đạt100% trở lên

 Khảo sát đánh giá trẻ các độ tuổi đạt 100 %

Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình: 100%

100% trẻ đến trường được an toàn về thể chất và tinh thần.

100% trẻ biết một số kỹ năng bảo vệ sức khỏe, ứng phó biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm, lao động tự phục vụ.

100% trẻ 5 tuổi được đánh giá theo mục tiêu và được chuẩn bị tốt tâm thế vào lớp 1. Tuyệt đối không dạy trước chương trình lớp 1.

Trẻ biết giao tiếp, ứng xử với bạn bè, cô giáo và mọi người qua lời nói, cử chỉ. Dạy trẻ biết lễ phép với người lớn, xưng hô đúng chuẩn mực.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 của lớp Lớn ghép a duông, rất mong sự quan tâm của tổ chuyên môn, của nhà trường để kế hoạch lớp hoàn hỉnh hơn ./.

**DUYỆT BGH DUYỆT TCM GIÁO VIÊN LẬP KẾ HOẠCH**

**Phạm Thị Thúy Ngô Bùi Nhật Uyên Lê Thị Bích Hà + Trương Thị Thảo**